



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV# _____

WEWL# _____

I-171 _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THANH CAC
Last Middle First

Current Address: 26 Luu Van Liet. P2. Thua Vinh Long Chau Long

Date of Birth: 02-19-1936 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-25-1975 To 02-15-1979
Years: 03 Months: 08 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name **FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.**
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

VINH LONG, ngày 15 tháng 11 năm 1990

Kính gửi :

- HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
(F. V. N. P. P. A.)

-

«Bố-túc hồ sơ theo chương trình H.O.»

Kính thưa quý Hội,

- Theo sự hướng dẫn trong thư của Quý Hội, chúng tôi đã có gửi đơn và hồ sơ đầy đủ đến quý Hội ngày 30/9/89.
- Chúng tôi cũng đã bố-túc hồ sơ (lần 1) ngày 21/10/89
- - ut - (lần 2) ngày 10/11/90.

x x

- Nay chúng tôi trân-trọng thông báo cùng quý Hội :
 - Chúng tôi đã có làm đơn và hồ sơ xin Bộ Nội Vụ Việt Nam cấp Hộ Chiếu (đơn và hồ sơ của chúng tôi đã được chuyển về Bộ Nội Vụ/Việt Nam ngày 10/6/90, số thứ tự: 41, thuộc danh-sách số: 06.

x
x x

- Trân trọng kính xin Quý Hội lưu tâm xem xét và trình xin cấp Thẩm Quyền cho phép chúng tôi được định cư ở Mỹ theo quy-định của Chương Trình H.O.

(Xin xem trang 2 →)

(Phân lý lịch của chúng tôi)

NGUYỄN THANH CÀC

Lý lịch :

- Họ và tên người xin : NGUYỄN-THÀNH-CÁC
- Ngày, tháng, năm sinh : 19-02-1936., tại Vĩnh Long
- Cấp bậc : Trung úy
- Chức vụ : Sĩ quan tiếp vận
- Đơn vị : Tổng Cục Tiếp Vận / R6 TTM.
- Số quân : 56/100.713
- Địa chỉ : số 26, đường Lưu-văn-Liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long, tỉnh Cửu-Long.
- Thời gian học tập cải tạo : 03 năm, 07 tháng, 20 ngày
(từ 25/6/75 đến 15/02/79)
- Thời gian quản chế tại địa phương : 02 năm, 2 tháng.

x x
x x

Đính kèm :

- 3 bản photo
 - (1 Biên lai lệ phí
 - (1 Biên nhận An
 - (1 Giấy giới thiệu.

- Trân trọng kính chào và cảm ơn quý Hội.

Trân trọng,
Người xin : NGUYỄN-THÀNH-CÁC



CA. TỈNH CỬU LONG
BCH. PHẢN GIÁN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

PA _____

SỐ : 293 /GT

Cửu Long, ngày 12 tháng 07 năm 1990.

*



KÍNH GỬI : Thượng tá Nguyễn Văn Việt Phó CT PH. CH.

V/V Anh: Nguyễn Thành Các 1936 Hướng Trú:

26 lùn Văn biết F2 Đội xã Vĩnh Long, ch.

Nếp H5 S3 xin xuất cảnh theo diện H0.

Công tác để chuyển H5 S3 về B5 ngày 10-06-90

S5: H1 được lãnh sách đỏ Vay chuyển tới

Các địa nghiên cứu giải quyết.

BAN CHỈ HUY PHẢN GIÁN

Đội trưởng Đ. H. C.

10.10

CÔNG AN CỬU LONG
PHÒNG QUẢN LÝ
XUẤT NHẬP CẢNH

SỐ : 644 IBN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

- Ông, Bà : NGUYỄN THANH CẮC Năm sinh : 1936
— Địa chỉ : 26 Lũy Vĩn Liệt F2 TXN
— Có nộp đơn xin xuất cảnh kèm theo hồ sơ xin đi xuất cảnh sang HOANG

Diện nhân đạo

Những người cùng đi

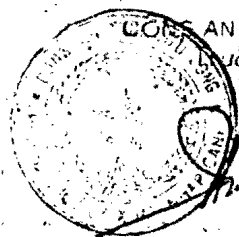
Phụ Nữ - Phụ Nữ 1938

Nguyễn Thanh Phấn 1963

Nguyễn Thị Thiện 1966

Nguyễn Thanh Khai 1970

Ngày 06 tháng 07 năm 1990



Lê Văn Đức

CÔNG ANH CỬU LONG
P. QUẢN LÝ NHẬP CẢNH

C. H. X. H. C. N. V. N.
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 103 /BL

ĐIỂN LẠI THU TIỀN L. PHÍ

Có của của Ông, Bà Nguyễn Thanh Bào
Sinh năm 1938 hiện ngụ tại Xã
Phước Vĩnh Hưng Xã TXN
Đã nộp đủ số tiền là 40.000 đồng (Đã
lưu giữ mười ngàn) về lệ phí cấp
giấy thực hành I xuất cảnh.

Cửu Long, ngày 4 tháng 1 năm 1990

Người nộp

Cán bộ thu

Cán

ML

Ng Manh

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE:



---*---

Ngày 31 Tháng 8 Năm 1980

Kính gửi :

M. Nguyễn Thanh Các

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại tình tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi điều kiện thuận lợi sẽ sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phụng dưỡng những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên tích cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh đua cấp tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thủ,

Khúc Minh Thơ
Khúc Minh Thơ

*** HỒ SƠ TÊN:

NGUYỄN THANH CÁC
Số 26 Lũy-V-Liệt/Phường 2/TX Vĩnh Long (Cửu Long)

() ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐỊNH KEM: (hoãn về Hội môi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- () Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , (x) GIẤY RA TRẠI
(x) Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly di, khai tử v.v...
(x) Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
() Giấy bảo tử (nếu chệt trong trại học tập)
(x) Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa huy chương v.v...)

*** CÁC THỦ KHÁC:



CHẾ-THỊ - CHỊ
vợ của
Nguyễn Thành CAC

NGUYỄN
THÀNH
CAC
(1936)

Nguyễn-Thị Luyện
con của
(Nguyễn-Thành CAC)

NGUYỄN-THỊ-THẢO
con của
(Ng^õ Thành - CAC)

NGUYỄN-THÀNH-
KHAI
con của
(Ng^õ Thành - CAC)

NGUYỄN-THÀNH-
KHÔI
con của
(Ng^õ Thành - CAC)

NGUYỄN-THỊ-LẠC
con của
(Ng^õ Thành - CAC)

NGUYỄN-THỊ-THIỆN
con của
(Nguyễnⁱⁿ Thành CAC)

NGUYỄN-THÀNH-KHOA
con của
(Ng^õ - Thành - CAC)

Ảnh của

NGUYỄN-THÀNH-CÁC

và gia đình.

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số QH-QLTG, B
hành theo công văn
2363 ngày 27 tháng 11
năm 1972

Trại Cải tạo T. H. H. H. H.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 156 122 GRF

GIẤY TẠM TRẠ

Theo thông tư số 065-ĐQA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định của số 28 ngày 25 tháng 01 năm 1979 của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tạm trú cho anh/chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: NGUYỄN THÀNH CẮC

Họ, tên thường gọi: Nguyễn Thành Cắc

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 19 tháng 02 năm 1936

Nơi sinh: Vĩnh Long tỉnh Cửu Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt số 131, Xã Tân Phú Định (Saigon)

Cán tội: TRUNG ƯỠ (Sĩ Quan chế độ cũ Saigon)

Bị bắt ngày 25-6-1975

Theo quyết định, án văn số

Ngày

Tháng

Năm

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú tại 15-A đường Phan Đình Phùng, Phường 8 thị xã Vĩnh Long Cửu Long

Nhận xét quá trình cải tạo

Định cho về địa phương điều trị tiếp.

Quản chỗ tại địa phương thời gian 12 tháng.

Lưu trữ ở phòng

Cá Nguyễn Thành Cắc

Đã bị tăng án

4070

Đã được giảm án

16-500

Họ, tên chữ ký

Người được cấp

Nguyễn Thành Cắc

NGUYỄN THÀNH CẮC

15 tháng 02 năm 1979

Chức vụ



ĐẠI LƯƠNG

Ghi chú: Nay được chuyển về: số 26 Trường Lưu - Vĩnh - Việt
Phường 2 Thị xã Vĩnh Long (Cửu Long)

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mau số 001-QLTG
Ban hành theo
công văn số
2565 ngày 27
tháng 11 năm
1972

Trại Cải-Tạo TÂN HIỆP

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số : 102 /GRT

GIẤY RA TRẠI

- Theo Thông Tư số 066-BCA/TT ngày 31/5/1961 của Bộ Nội Vụ ;
- Thi-hành án văn, quyết định tha số 28 ngày 25 tháng 01 năm 1979 của Bộ Nội-vụ.
- Nay cấp giấy tha cho anh, chỉ có tên sau đây :
- Họ, tên khai sinh : NGUYỄN-THÀNH-CÁC
- Họ, tên thường gọi : Nguyễn-Thành-Các
- Họ, tên bí danh :
- Sinh ngày : 19 tháng 02 năm 1936 - Nơi sinh : Vĩnhlong (Củ-Long)
- Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt : 184, đường
Võ-Tánh - Gia-Dinh (Sài-gòn)
- Cán tại : Trung-Úy (Sĩ-quan chế-dộ cũ Saigon)
- Bị bắt ngày : 25/6/1975 - Án phạt :
- Theo quyết-dịnh, án văn số . . . ngày . . . tháng . . . năm . . .
của
- Đã bị täng án ; lần, công thành năm
- Đã được giảm án lần, công thành tháng
- Nay về củ trú tại : 15-A, đường Phan-Dinh-Phung, Phường 8, Thị xã
Vĩnhlong (Củ-Long) (A)
- Nhận xét của trình cải tạo :
 - Bệnh cho về địa-phương điều trị tiếp.
 - Quản chế tại địa phương thời gian 12 tháng

Lấn tay ngón trở phải
của NGUYỄN-THÀNH-CÁC
Danh văn số 4070
Lấn tại : E6-P.500

Họ, tên, chủ ký
người được cấp giấy

Ngày 15 tháng 02 năm 1979
GIAM THỊ
(Ký tên và đóng dấu)

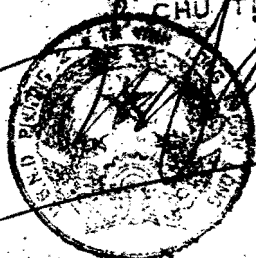
NGUYỄN-THÀNH-CÁC

TRUNG-TA ĐẠO-LUÔNG

THỰC SÁO Y BẢN CHÁNH

PHƯƠNG 2 Ngày 10 Tháng 10 Năm 1979

IM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nghĩa

Ghi chú:

Chỗ ở hiện nay : 26 đường Lầu-vàng-liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh-Long (Củ-Long)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Long-Châu
(Extrait du registre des actes de naissance)

VINH LONG

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1954
(Année)

SỐ HIỆU 1996
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Toà-Án Hoà-G'á-Rộng-Quyển Vinhlong
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Con về vào hộ trong phiên nhóm công khai ngày 15-10-1954 có tuyên án như sau đây :
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Bởi các lẽ ấy :
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Chứng cho Nguyễn-văn-Không nhìn Nguyễn-thành-Cao là con,
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Phan rằng: Nguyễn-thành-Cao, phái nam, sinh ngày mồng chín tháng hai năm (1-2-1936) tại làng Long-Châu tỉnh
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Vinhlong, cha là Nguyễn-văn-Không, mẹ vô danh, con ngoại-hôn được cha
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	nhìn nhận, Phan rằng án này thể vì khai sinh
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	cho Nguyễn-thành-Cao ./.
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Chép theo bản chánh
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Châu, ngày 13-11-1954
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Ủy viên Hộ-Tịch Ký tên không rõ

Chúng tôi, LÊ-VĂN-LẦU, Thẩm-Phán
(Nous)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),

T.Ư. Chánh-án Toà Vinhlong
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ-Thành-Liễn
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal)

Vinhlong ngày 18/11/1965

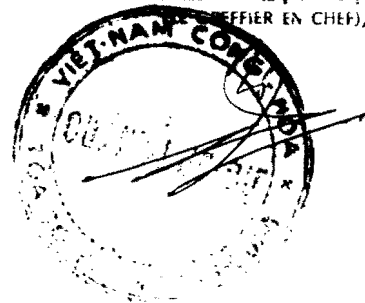
T.Ư. N. CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Giá tiền : 5.000
(Cost)
Bản-lai số : 16167
(Quittance N°)



Vinhlong ngày 18/11/1965

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Hoà-Tĩnh

VINH LONG

(NAM-PHẦN)

(Sud-Vietnam)

NĂM 1938

(Année)

SỐ HIỆU 35

(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Chê-thị-Chi
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	23 Avril 1938
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hoà-Tĩnh
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Chê-văn-Thành
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Lính Garde civile locale
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hoà-Tĩnh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Nhị
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Mua bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hoà-Tĩnh
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang ce femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Lê-văn-Bầu, Thẩm-Phán
(Nous)

T.Ư.Đ. Chánh-án Toà Vinhlong

(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)Ông Võ-Thành-Lâm
(M.)Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef audit tribunal)

Vinhlong ngày 19/7 1965

Lê-văn-Bầu, Chánh-án,
(LE PRÉSIDENT),Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme),

Vinhlong ngày 19/7 1965

CHÁNH LỤC-SỰ,
(GREFFIER EN CHEF),

Giá tiền: 5.000

(Cost)

B.Ấn-lai số:

(Quittance N°)

N/6

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH-BÌNH

BỘ ĐỜI

BỘ SAO LỤC HÔN THỨ NĂM 1954 bậc NHAT

LÀNG Tân-An-Lương

Số hiệu 143

Năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn
và ngày hai mươi chín tháng 11 di.

Tên NGUYỄN-THÀNH-GIỎ

con trai của Nguyễn-van-Khuông

và của Phạm-thị-Nàng (c)

sinh tại xã Long-Châu (Vĩnh-Long)

ngày 19-02-1936

kết hôn ở Tân-An-Lương

với Cô CHỊ-THỊ-CHI

con gái của CHỊ-van-Phước

và của Lê-thị-Nguyệt

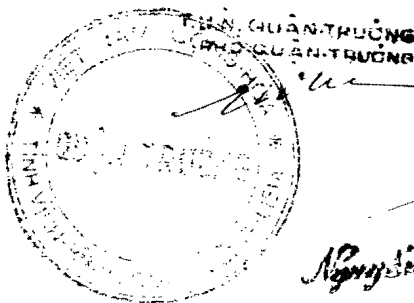
sinh ngày 23.4.1938 ở xã Hòa-Tĩnh (Vĩnh-Long)

Nhận thực cho hợp pháp chữ ký của

U. B. H. C. xã Tân-An-Lương

Đứng tên Quản ngày 19 tháng 1 năm 1967

Quản - TRƯỞNG



Nguyễn Văn Đức

SAO Y BỘ ĐỜI

Tại Tân-An-Lương ngày 18.1.67

ỦY BAN HÀNH CHÍNH XÃ
Chủ tịch kiêm Ủy viên Hộ tịch



Trần Văn Sơn

Chúng nhân chỉ ký tên
của Hội Đồng Xã Long-
Châu dưới đây :

VĨNH LONG, ngày 15-9-1962:

TL/QUẢN TRƯỞNG
PHÓ QUẢN TRƯỞNG

Ký tên : TRAN-VAN-LAN
(Đóng dấu)

Sao lục y như trong bộ

Long-châu, ngày 15-9-1962

(Ký tên : PHAN-TÔNG-TRƯỚC)

CHỨNG KIẾN

HỘI ĐỒNG XÃ

LÊ-NGOC-MEO

Đại-Điển Xã

(Ký tên và đóng dấu)

- Tên, Họ ầu nhi . . . : NGUYỄN-THỊ-LAC
- Ngày tháng năm Sinh : 16-6-1956 (Ngày Mười Sáu
Tháng Sáu âm-lịch năm
Một Ngàn Chín Trăm Năm
Mười Sáu)
- Tại : . . . : Long-Châu (Vĩnh-Long)
- Cha . . . : Nguyễn-Thành-Các
- Tuổi . . . : Hai-mười
- Nghề-nghiep . . . : Quân-Nhân
- Ở-trú tại : Long-Châu-(Vĩnh-Long),
- Mẹ . . . : Chèo-Thị-Chi
- Tuổi : . . . : Mười tám
- Nghề-nghiep . . . : Nội trợ
- Ở-trú tại . . . : Long-châu (Vĩnh-Long)
- Vợ . . . : Võ Chánh
- Người khai : Nguyễn-Thành-Các - Tuổi : 20
- Ở-trú tại : Long-Châu - Ngày khai : 18-6-1956
- Người chứng thủ nhất : Phan-thị-Du Tuổi : 34
- Nghề-nghiep : Nữ hộ sinh tại-Củ trú tại:LongChâu
- Người chứng thủ nhì : Bùi-văn-Thích Tuổi : 38
- Nghề nghiệp : buôn bán - Ở trú tại : Long-Châu

Làm tại Long-Châu, ngày 18 tháng 6 năm 1956

Người khai,

Hộ lại,

Nhận-chứng,

Nguyễn-Thành-Các

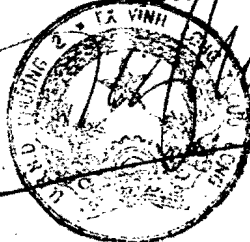
Nguyễn-văn-Sanh

Dĩ và Thích

THỊ THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

PHƯƠNG 2 Ngày 10 Tháng 10 Năm 1963

THỦY BÀN NHÂN DÂN
P. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nghĩa

(Vĩnhlong)

(NAM-PHÂN)
(Sed Việt-Nam)

NĂM 1958
(Année)

SỐ HIỆU 2392
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	<u>Nguyễn-Thị-Luyến</u>
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	<u>Nữ</u>
Sinh ngày nào (Date de naissance)	<u>ngày mùng năm tháng mười một dương</u> <u>lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	<u>Long-Châu</u>
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	<u>Nguyễn-Thành-Cúc</u>
Cha làm nghề gì (Sa profession)	<u>Quản nhân</u>
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	<u>Long-Châu</u>
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	<u>Chú -Thị-Chi</u>
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	<u>Nội trợ</u>
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	<u>Long-Châu</u>
Vợ chánh hay thứ. (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vĩnhlong

ngày 17/05/1974

CHÁNH LỤC-SỰ
(LE GREFFIER EN CHEF)



Nguyễn-Văn-Vĩnh

Giá tiền: 1500

(Coût)

Biên-lai số 2826/25/H.
(Quittance no)

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH PHONG DINH

BẢN SAO LỤC BỘ SÁNH TẠI XÃ : TÂN-AN

NĂM : 1961

Số hiệu : 1941

- Tên họ của con nít : NGUYỄN-THÀNH-KHÔI
- Nam hay nữ : Nam
- Sinh ngày nào : 28/06/1961 (Hai Mươi Tám, Tháng Sáu,
Năm Một Ngàn Chín Trăm Sáu mươi một)
- Sinh tại đâu : Tân-An (Phong-Dinh)
- Tên, họ cha : Nguyễn-Thành-Cao
- Cha làm nghề gì : Quân-nhân
- Nhà cửa ở đâu : Tân-An (Phong-Dinh)
- Tên, họ mẹ : Chế-thị-Chi
- Mẹ làm nghề gì : Nội trợ
- Nhà cửa ở đâu : Tân-An (Phong-Dinh)
- Vợ chánh hay vợ thứ : Vợ chánh
(HT. số 143 Tân-An-Luông 1954)

Chúng cho hợp pháp chữ ký
ngang đây của :

Tại Tân-An ngày 30 tháng 6 / 1961

Hội-Đảng Xã Tân-An

Người khai, Hội-viên Ho-tích, Người chứng
Nguyễn-thành-Cao, Ng-văn-Lợi
(ký tên đóng dấu)

Phong-Dinh ngày 5.7.1967

1/Ng-Dinh-quan
2/Phuynh-P-Dong

TL/TỈNH TRƯỞNG

Nhân thức chữ ký bên
dưới của H.V. Ho-tích

TRÍCH LỤC Y BỘ ĐỘI

Ký tên : VÕ-THÀNH-KINH
(Đóng dấu)

Ngày Tháng Năm
ĐẠI DIỆN XÃ,

Phong-Dinh, ngày 05/7/

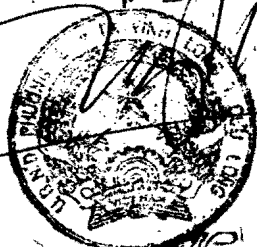
Chủ-tích UHC Kiên U.V.H
Tích

Ký tên : SA-THÀNH-TU
(Đóng dấu)

THỊ THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

PHƯƠNG 2 Ngõ 12 Tháng 12 Năm 1961

TRUYỀN HỒN LÊN
P. CHẾ TÍCH



Nguyễn Văn Nghĩa

VIỆT NAM CỘNG HÒA
TÒA SỞ NHÂN
PHÒNG LỤC SỬ

PHÒNG LỤC SỬ TÒA SỞ THẨM VINH LONG

BẢN TRÍCH LỤC ĐỒ KHAI SANK XÃ LONG CHÂU (Vinh Long)

Năm 1964

Số hiệu 1447

(NAM PHÂN)

- Tên, họ của con nít : NGUYỄN THI THẢO
- Nam, Nữ : Nữ
- Sinh ngày nào : 20/5/1964 (Hai Mươi, tháng Năm, dương lịch
Năm Một, ngàn chín trăm sáu
mươi bốn)
- Sinh tại chỗ nào : Long-Châu (Vinh-Long)
- Tên, Họ Cha : Nguyễn-Thành-Cao
- Cha làm nghề gì : Quân-nhân
- Nhà cửa ở đâu : Long-Châu (Vinh-Long)
- Tên, Họ Mẹ : Chế-Thị-Chi
- Mẹ làm nghề gì : Nội trợ
- Nhà cửa ở đâu : : Long-Châu (Vinh-Long)
- Về chánh hay thú : : Về chánh (HT. số 143/54 Tân-An-Luông
Vinh-Long)

Trích y bản chánh

Vinh-Long, ngày 17/05/1974

Chánh-Lục-Sử

Ký, tên : NGUYỄN VĂN VINH
(Đóng dấu)

THỊ THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

PHƯƠNG 2 Ngày 10 Tháng 10 Năm 1974

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
P. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nghĩa

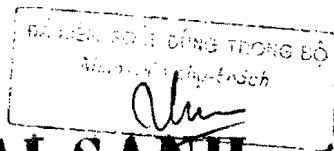
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-DÌNH

QUẬN GÒ-VẤP

XÃ **Hành thông**

Số hiệu **2853**



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

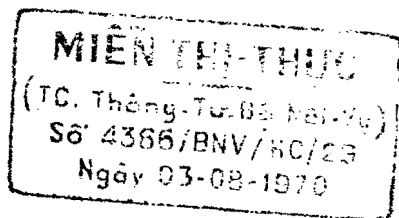
Lập ngày **23** tháng **11** năm 19**76** T/06

Tên họ đứa trẻ . . .	Nguyễn thị Thiện
Con trai hay con gái .	Nữ
Ngày sanh	Hai mươi tám mưới một năm 1966
Nơi sanh	Hành thông xã
Tên họ người cha . . .	Nguyễn thành Cáo
Tên họ người mẹ . . .	Chú thị Chi
Vợ chánh hay không có hôn thú.	Vợ chánh
Tên họ người đứng khai .	Nguyễn thành Cáo

20
11-66

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

Hành thông ngày **11** tháng **2** năm 19**76**
Kiểm Ủy-Viên Hộ-Tịch, **W**
Võ-Công-Vân



ĐO-THÀNH SÀI-GON

Tòa Hành Chánh Quận 10

Số hiệu : 3399

VIỆT NAM CÔNG HÒA

M Ô T Í C H

TRÍCH LỤC ĐỒ KHAI SANH

Năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mươi (1970)

- Tên, họ của nhẽ ;	NGUYỄN-THÀNH-KHAI
- Phái	Nam
- Ngày Sinh	21-7-1970 (Ngày Hai Mươi Một Tháng Bảy Năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mươi) hồi 09 giờ 45'
- Nơi sinh	266, Nguyễn-văn-Thăng (Sài-gon)
- Tên, họ người cha	Nguyễn-Thành-Cac
- Tuổi	Ba Mươi Bốn
- Nghề-nghiệp	Quân-Nhân
- Nơi cư ngụ	Trại Gia-Bình
- Tên, họ người mẹ	Chê-Thị-Chi
- Tuổi	Ba Mươi Hai
- Nghề-nghiệp	Nội trợ
- Nơi cư ngụ	Trại gia-bình
- Về khánh hay thũ	Về khánh

Làm tại Sài-gon, ngày 24 tháng 7 năm 1970

Trích lục y bản chánh :

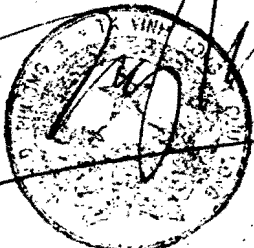
SÀI-GON, ngày 03 tháng 11 năm 1971

TL/ QUÂN-TRƯỞNG QUÂN 10
Ký tên : PHAM-VAN-PHAN
(Đóng dấu)

THỊ THỰC SẢO Y BẢN CHÁNH

PHƯƠNG 32 Ngày 10 Tháng 10 Năm 1971

THỦY BÀN NHÂN DÂN
P. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nghĩa

(cũ) 7

Dấu vết riêng: Nứt rui trên trái mũi phải.		Cao: 1 th 75 T.
Chức vụ công vụ: PHÓ TRƯỞNG TY CSQG GIADINH.		Nặng: 60 Kg
Gia-Dinh ngày 02-01-19 70		Ngon trái mắt
TRẦN-VAN-CÔNG		Ngon trái trái

(cũ)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA		Số 03377692
THẺ CÁN-QUỐC		Họ Tên NGUYỄN - THANH - CẮC
	Ngày, nơi sinh 19-2-1936	
	Long-Anh Vĩnh-Long	
	Cha Nguyễn-Văn-Khương	
	Mẹ Phạm-Thị-Nang	
	Địa chỉ 18/ Võ-Tánh-Gia-Dinh	

(MƠI)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **920023062**

Họ tên **CHÈ THỊ CHI**

Sinh ngày **28-04-1938**

Nguyên quán **Hòa-Tĩnh,**

Long-Ho, Cửu-Long,

Nơi thường trú **15A Phan-Đình,**

Phụng, V-Long, Cửu-Long.



Dân tộc: kinh Tôn giáo: Phật

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 1,5cm
dưới trước mep trái.

Ngày 08 tháng 08 năm 1978

KY SĨ HẠNG QUÂN TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHÓ TRƯỞNG TY



(Signature)
Chào Nhân

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

(MỘT)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 200.000.000

Họ tên: NGUYỄN THÀNH CẮC

Sinh ngày 1935

Nguyên quán: Phường 2,

Vĩnh Long, Bình Long,

Nơi thường trú 26, Lưu Văn Việt,

Phường 2, Vĩnh Long, Clong

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **phật**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi nổi cách 12
cm trên trước cánh
mũi phải.

Ngày 22 tháng 12 năm 1987

THỦ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



[Handwritten signature]

Trưởng Công An



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

Chuyển đến.....

Chuyển đến.....

Từ ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên đóng dấu

Từ ngày.....tháng.....năm.....
Ký tên đóng dấu

Chuyển đến.....

Chuyển đến.....

Từ ngày.....tháng.....năm.....

Từ ngày.....tháng.....năm.....

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Nội dung.....

Nội dung.....

Ngày.....tháng.....năm.....
Trưởng công an.....

Ngày.....tháng.....năm.....
Trưởng công an.....

Nội dung.....

Nội dung.....

Ngày.....tháng.....năm.....
Trưởng công an.....

Ngày.....tháng.....năm.....
Trưởng công an.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐĂNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số: 0317

Họ và tên chủ hộ: Nguyễn Văn Khương

Số nhà: 26 (Số thêm) Phường 2

Đường phố: Quê Hương Quận CAND

Thị xã, quận, thành phố hoặc tỉnh:

Tên: Lê Văn Sơn

Tỉnh, thành phố: Huế

Ngày.....tháng.....năm.....
Trưởng công an.....
(Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Số thứ tự	Họ và tên Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với Chủ Hộ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu của cơ quan công an
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Văn Nhân (chợ)	1902	Nam	(chợ) chủ hộ	Chợ nước	330031907	19-11-8		
2	Nguyễn Văn Nhân	1913	Nữ	Cs	Nhà ở		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
3	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nam	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
4	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nữ	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
5	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nam	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
6	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nữ	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
7	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nam	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
8	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nữ	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
9	Nguyễn Văn Nhân	1917	Nam	Chợ nước	Chợ nước		19-11-8	Đã biết (21/11/8)	Đã biết
10	Nguyễn Thành Cae	1936	Nam	Don	XVTT-GT	33064239	22/2/82		Ngày cấp lần 1: 22/2/82. Ngày cấp lần 2: 22/2/87.
11	Chế Văn Chi	1938	Nữ	Cháu		33064209	22/2/82		
12	Nguyễn Thành Khoa	1955	Nam	Cháu	Tổ máy	33064239	22/2/82		
13	Nguyễn Văn Lương	1958	Nữ	Cháu		330788967	22/2/82		
14	Nguyễn Văn Cánh	1964	Nữ	Cháu		33064241	22/2/82		
15	Nguyễn Văn Cánh	1966	Nữ	Cháu		33064240	22/2/82		
16	Nguyễn Văn Khánh	1970	Nam	Cháu		33064242	22/2/82		
17	NGUYỄN-THÀNH-NHỘI (a)	1961	Nam	Cháu		330048198	08/8/98	(a)	Trong lúc làm Giấy Nhân Khẩu, NGUYỄN-THÀNH-NHỘI là con chúng tôi đi nghĩa quân ở Campuchia. Nay xin bổ túc.

- NGUYEN-THANH-CAC
va
- LE-VAN-HOA

So 26, duong Luu-van-Liet
Thi-xa Vinh-Long (Cua-Long)
VIET-NAM

-+---



23890

23890

R A
EO 03



TO : F.V.N.P.P.A.

P.O. BOX. 5435

ARLINGTON - V.A. 22.205 - 0635

(U.S.A.)

709 = 23890

FROM : NGUYEN-THANH-TAC
LE-VAN-HOA
SO: 26 LUU-VAN-LIEP
THI-XA VINH-LONG
CUU-LONG (VIET-NAM)

TO : F. V. N. F. P. A.

P.O. - BOX 5435

ARLINGTON VA. 22.205 - 0635

- U. S. A. -

Kính thưa quý Hội,

- Trước đây chúng tôi có gửi đến quý Hội hai hồ sơ với đầy đủ các giấy tờ cần thiết.

(Thủ Báo đảm số: 484 đề ngày 7.8.89; và số 707 đề ngày 21.10.89)

- Nay xin Báo tức theo yêu cầu trong thư của quý Hội (qua địa chỉ của M. LONG - NƠ ĐỒ UẾ)

Trân trọng,

Thân nhân ở VC
Ngô Lâm

Australia

Đến quý Hội
giấy tờ cần thiết
ngày 7-8-89; và

Đu trong thủ của

M. LONG - NGÔ

ân trọng,



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE:

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

Ngày 11 tháng 10 năm 1989

Kính gửi:

M. Long Ngó

Thưa Ông/Bà,

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam đã nhận được thủ và hồ sơ của Ông/Bà xin đoàn tụ cho thân bằng quyến thuộc. Chúng tôi thành thật cảm ơn Ông/Bà đã tỏ lòng tin tưởng và hưởng ứng hoạt động của Hội trong công tác nhân đạo này để vận động cho thân nhân của chúng ta sớm được đoàn tụ.

Chúng tôi đang xúc tiến việc lập danh sách của quý thân nhân hiện còn bị giam giữ hay đã được trả tự do cũng, với gia đình muốn rời Việt-Nam theo chương trình "Ra đi có trật tự" (ODP) để nộp cho cơ quan có thẩm quyền cứu xét.

Nếu Ông/Bà chưa lập hồ sơ đoàn tụ cho thân nhân, xin hãy điền các mẫu đính kèm gửi về cho Hội, đồng thời chúng tôi cũng đề nghị Ông/Bà tiếp xúc với cơ quan thiện nguyện tại địa phương để lập thủ tục đoàn tụ qua chương trình "Ra đi có trật tự". Trường hợp đã nộp đơn rồi, xin gửi cho Hội một bản sao.

Vì Hội hoạt động có tính cách tự nguyện, nên xin Ông/Bà vui lòng mỗi khi liên lạc thủ tục với Hội, gửi cho một phong bì có dán tem sẵn để tiện việc phúc đáp.

Kính thủ,

Bà Khúc Minh Thơ
Chủ Tịch

*** HỒ SƠ TÊN:

Nguyễn Văn Hai

Nguyễn Thanh Các

Kính gửi: 1 hồ sơ

ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KÈM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ☒ Hồ sơ bảo trợ ☒ IV# , ☒ LOI , ☒ Exit visa , ☒ I-171 , ☒ GIẤY RA TRẠI
- ☒ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
- ☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
- ☐ Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)
- ☒ Tài liệu liên hệ đến tù nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ, huy chương v.v...

*** CÁC THỦ KHÁC:

(X) - Xin ghi ngoài bì thư: HỒ SƠ BỔ TỤC
(tên tù nhân): NGUYỄN THANH CÁC

CÔNG AN CỬU LONG
PHÒNG QUẢN LÝ
XUẤT NHẬP CẢNH

SỐ : 641 IBN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

- Ông, Bà : NGUYỄN THANH CHỨC Năm sinh : 1936
— Địa chỉ : 26 Lũu Văn Liệt F2 TĐN
— Có nộp đơn xin xuất cảnh kèm theo hồ sơ xin đi xuất cảnh sang HOA KỲ

Diện nhận đạo (H.O.)

Những người cùng đi

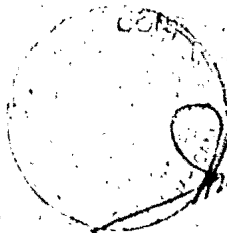
Thị Thị Thị 1938

Nguyễn Thanh Khuê 1963

Nguyễn Thị Thuận 1966

Nguyễn Thanh Khai 1970

Ngày 06 tháng 07 năm 1990



9/10/90

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN - THÀNH - CÁC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 02 19 1936 (Vinh Long)
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): VỢ +
(Tinh trang gia dinh): 7 con

ADDRESS IN VIETNAM : số 26, đường Lưu-văn-liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long, tỉnh
(Dia chi tai Viet-Nam) Cửu Long (Việt Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) co No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 25/06/1975 To (Den): 15/2/79 (A)

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Học Mண்; Trại Katum; Trại Tân Hiệp (Suối mầu) Biên Hòa.
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Sĩ quan Tiếp Vận (Số quân: 56/100713)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG ÚY Sĩ quan Tiếp Vận ở Tổng Cục Tiếp Vận Bộ

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Tổng Tham Mưu/KẾ 4002.

- Position: Chánh Văn Phòng Cục Trưởng Cục Mối Dịch (Đại Tá Phạm Bá Hòa) Date (nam): 1972-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Đã có nộp đơn 2 lần,
IV Number (So ho so): chờ kết quả
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 04 người (Vợ + 3 con)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi beñ sau voi day đủ chỉ ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): số 26, đường Lưu-văn-liệt, Phường 2,
Thị xã Vĩnh Long tỉnh Cửu Long (V.N.)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):
Không

J.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) NGUYỄN-THÀNH-CÁC

số 26, đường Lưu-văn-liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long (Cửu Long)

DATE: 04 04 1980
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Thanh các

(A) Bị quản-chế tại địa phương (02 năm, 02 tháng), từ 15/02/79 đến 01/04/81, thay vì 1 năm như đã ghi trong Giấy Ra Trại

Phản góp ý: - Chúng tôi xin phép được góp ý:
- Về điều kiện tuyến an ninh cho phép đi định cư.
- Ngồi điều kiện để tính về thời gian ở trong Trại Cải-Tạo;
- Để nghị nên tính thêm về thâm niên quân vụ hay công vụ.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN THÀNH CÁC
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 02 19 1936 (Vĩnh Long)
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): Vợ
(Tình trạng gia dinh): 7 con
ADDRESS IN VIETNAM : 26, đường Lưu-văn-Liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long tỉnh Cửu Long
(Địa chỉ tại Việt-Nam) (VIỆT NAM)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 25-6-75 To (Den): 15-2-79(A)

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Học Mẫn; Trại Katum; Trại Tân Hiệp (Suối mầu) Biên Hòa.
CAMP (Trại tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Sĩ Quan Tiếp Vận (số quân: 56/100.713)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG-UY (SĨ QUAN TIẾP VẬN/TỔNG CỤC TIẾP VẬN)
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): BỘ TỔNG THAM MƯU/KAC 4002
- Position: Chánh văn Phòng Cục Trưởng Cục Mối Dịch (Đại tá Phạm Bá Hoa) Date (nam): 1972-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Đã nộp đơn 2 lần,
IV Number (So ho so): chờ kết quả
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04 người (vợ + 3 con)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 26, đường Lưu-văn-Liệt, Phường 2,
Thị xã Vĩnh Long, tỉnh Cửu Long (VN.)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
không

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): X

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYỄN-THÀNH-CÁC
số: 26 đường Lưu-văn-Liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long (Cửu Long)

DATE: 04 04 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

(A) Bị quản chế tại địa phương (2 năm, 2 tháng)
từ 15-2-79 đến 1-4-81, thay vì 1 năm
như đã ghi trong Giấy Ra Trại.

Tham mưu

* Phản góp ý: - Chúng tôi xin phép được góp ý:

- Về điều kiện tuyển chọn cho phép định cư.
- Ngoài điều kiện đã tính về thời gian ở trong Trại cải tạo;
đề nghị tính thêm về thân niên quân vụ hay công vụ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THÀNH CÁC
Last Middle First

Current Address: 26, đường Lưu-văn-liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long, Cửu Long (Việt Nam)

Date of Birth: 19-02-1936 Place of Birth: Vĩnh Long

Previous Occupation (before 1975) TRUNG-UY (số quân 56/100713) Sĩ quan Tiếp vận ở Tổng
(Rank & Position) Cục tiếp vận / Bộ Tổng Tham-mưu (Kbc: 4002).

Last position: Chánh Văn Phòng Cục Trúing Cục Mối Bìch (Đại Tá Phạm Bá HOA)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 25/6/1975 To 15/02/1979 (A)
Years: 03 Months: 07 Days: 20

3. SPONSOR'S NAME: Không
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>Không</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 04-04-1980

(A) Bị quản chế tại địa phương (02 năm, 02 tháng), từ 15/02/79 đến 01/4/81, thay vì 1 năm như đã ghi trong Giấy Ra Trại.

- Phân cấp ý: Chúng tôi xin phép được góp ý:
- Về điều kiện tuyển chọn cho phép đi định cư.
 - Ngoài điều kiện đã tính về thời gian ở trong Trại Cải tạo; đề nghị nên tính thêm về thêm niên quân vụ hay công vụ.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#:

VEWL.#:

I-171#: Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN THÀNH CÁC
Last Middle First

Current Address: 26, đường Lưu-văn-liệt, Phường 2, Thị xã Vĩnh Long, Cửu Long (Việt Nam)

Date of Birth: 19-02-1936 Place of Birth: Vĩnh Long

Previous Occupation (before 1975) TRUNG-úy (Sĩ quan Tiếp vận ở Tổng Cục Tiếp vận
(Rank & Position) (Số quân: 56/100713) Bộ Tổng Tham Mưu (KBC. 4002)
- last Position: Chánh-văn-phòng Cục Trained Cục Mãi dịch (Đại tá Phạm Bá Hòa)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 25/6/1975 To 15/02/1979 (A)
Years: 03 Months: 07 Days: 20

3. SPONSOR'S NAME: Không
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>Không</u>	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

(A) - Bị quản-chế tại địa phương (02 năm, 02 tháng)
từ 15/2/79 đến 01/4/81, thay vì 1 năm
như đã ghi trong Giấy Ra Trại.

DATE PREPARED: 04-04-1980

* Phân Góp ý: Chúng tôi xin phép được góp ý:

- Về điều-kiện tuyển chọn cho phép định-cư.
- Ngoài điều kiện đã tính về thời gian ở trong Trại cải tạo; đề nghị nên tính thêm về thâm niên quân-vụ hay công-vụ.

Thanh Lai

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - THÀNH - CẮC
 (Listed on page 1) (19-02-1936)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. <u>CHÊ - THỊ - CHỈ</u>	<u>1938</u>	<u>vợ</u>
2. <u>NGUYỄN - THÀNH - KHÔI</u>	<u>1963</u>	<u>con trai (độc thân)</u>
3. <u>NGUYỄN - THỊ - THIÊN</u>	<u>1966</u>	<u>con gái (nt)</u>
4. <u>NGUYỄN - THÀNH - KHẢI</u>	<u>1970</u>	<u>con trai (nt)</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Số: 26, Đường Lưu-Văn-Liệt, Phường 2, Thị xã

Vĩnh Long - Cửu Long (Việt Nam)

ADDITIONAL INFORMATION : - Trường hợp Chương Trình cho phép rộng rãi hơn, chúng tôi xin cho các người con (đã lập gia đình), có tên dưới đây, được cùng đi định cư với cho mẹ.

5. <u>NGUYỄN - THÀNH - KHOA</u>	<u>1955</u>	<u>con trai (có vợ + 2 con)</u>
6. <u>NGUYỄN - THỊ - LẠC</u>	<u>1956</u>	<u>con gái (có chồng + 3 -)</u>
7. <u>NGUYỄN - THỊ - LUYẾN</u>	<u>1958</u>	<u>con gái (có chồng + 2 -)</u>
8. <u>NGUYỄN - THỊ - THẢO</u>	<u>1964</u>	<u>con gái (có chồng + 1 -)</u>

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYỄN - THANH - CÁCH
 (Listed on page 1) (19-02-1936)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. <u>CHÈ - THỊ - CHI</u>	<u>1938</u>	<u>vợ</u>
2. <u>NGUYỄN - THANH - KHÔI</u>	<u>1963</u>	<u>con trai (độc thân)</u>
3. <u>NGUYỄN - THỊ - THIÊN</u>	<u>1966</u>	<u>con gái (độc thân)</u>
4. <u>NGUYỄN - THANH - KHAI</u>	<u>1970</u>	<u>con trai (độc thân)</u>

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Số: 26 đường Lưu-văn-liệt, Phường 2, Thị xã
Vĩnh Long (Cần Long) Việt Nam

ADDITIONAL INFORMATION :

- Trường hợp Chương-Trình cho phép rộng rãi hơn, chúng tôi xin cho các người con (đã tập gia-đình), có tên dưới đây, được cùng đi định cư với chame:

5. <u>NGUYỄN - THANH - KHOA</u>	<u>1955</u>	<u>con trai (có vợ + 2 con)</u>
6. <u>NGUYỄN - THỊ - LAC</u>	<u>1956</u>	<u>con gái (có chồng + 3-)</u>
7. <u>NGUYỄN - THỊ - LUYẾN</u>	<u>1958</u>	<u>con gái (có chồng + 2-)</u>
8. <u>NGUYỄN - THỊ - THẢO</u>	<u>1964</u>	<u>con gái (có chồng + 1-)</u>

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mã số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Cải tạo T.Đ. T.Đ. H.Đ.

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 222 - GR

GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 066-BGA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thủ hành án văn, quyết định thả số 28 ngày 25 tháng 01 năm 1979

BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy thả cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh: NGUYỄN THANH CÁO

Họ, tên thường gọi: Nguyễn Thanh Cáo

Họ, tên bí danh:

Sinh ngày 19 tháng 02 năm 1936

Nơi sinh: Vĩnh Long tỉnh Cửu Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt số 131, xã Tân Định (Saigon)

Cán tội: TRUNG ƯƠNG (SI Quan chế độ cũ Saigon)

Bị bắt ngày 25-6-1975

Theo quyết định, án văn số

Đã bị tước án: tước, cộng thành

Đã được giảm án: tước, cộng thành

Nay về cư trú tại: 15-A đường Phạm Đình Phùng, Phường 8 thị xã Vĩnh Long Cửu Long

Nhận xét quá trình cải tạo

Đánh cho về địa phương điều trị tiếp.

Quan chức tại địa phương thời gian 12 tháng.

Lưu trữ gốc trả phí

Nguyễn Thanh Cáo

Chức vụ là: 1070

Mức lương: 16-7.500

Họ tên cho lệ

người được cấp giấy

15 tháng 02 năm 1979

Chức vụ

Nguyễn Thanh Cáo

NGUYỄN THANH CÁO



Trưởng tài DAO-LƯU

(A) Ghi chú: Nay đưa về nhà: số 26 Trưng Vương - Vĩnh Long (Cửu Long)

v - tại quản - chế tại địa phương (02 năm, 02 tháng), từ 15/02/79 đến 01/4/81, thay vì 1 năm như đã ghi trong Giấy Ra Trại.

NAM - PHẤN
(SUD VIET NAM)

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
(RÉPUBLIQUE DU VIETNAMIEN)

QUẬN Châu - Thành
(Délégation)
TỔNG Long - An
(Canton)
XÃ Long - Châu
(Village)

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM
(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1954

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

LÀNG Longchâu TỈNH Vĩnh Long (NAM PH.
(Village) (Province) (Sud Vietnam)

SỐ HIỆU 1996
(Acte N°)

Nhà in PHU - TOAN - Vĩnh Long

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	Tên Họ Giải Rộng Quyền Vĩnh Long xử và việc hộ và theo nguyên đơn trong phiên nhóm công khai tại pháp đình Vĩnh Long ngày thứ sáu nhằm ngày mười lăm tháng mười dương lich năm một ngàn chín trăm năm mươi bốn, hồi chín giờ sáng gồm có: Ông Lâm - Lễ - Trinh, Chánh lân, Nguyễn - Văn - Bình, Lục - sự có tuyên án như sau đây:
Nam, Nữ (Sexe de l'enfant)	(Chép rút) Bởi các lẽ ấy:
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Chúng cho Nguyễn - Văn - Khuong nhìn Nguyễn - thành - Các là con, Phán rằng: Nguyễn - thành - các, phải nam, sanh ngày mười chín tháng hai dương - lịch năm một ngàn chín trăm ba mươi sáu (19-2-1936) tại Làng Longchâu tỉnh Vĩnh Long Cha là Nguyễn - Văn - Khuong, mẹ Võ - Danh, con ngoại hôn được cha nhìn nhận,
Sanh tại chỗ nào (lieu de naissance)	Phán rằng bốn án này thể vì khai sanh cho Nguyễn - thành - Các. /.
Tên họ cha (Nom et prénoms du père)	Chép theo bản chính
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Longchâu, ngày 13 tháng 11 đl 1954
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	ỦY VIÊN HỘ TỊCH,
Tên họ mẹ (Nom et prénoms de sa mère)	ký tên: Không rõ
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Sao lục ý như trong bộ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	(Pour extrait conforme)
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Longchâu, ngày 28 tháng 12 năm 1962

Chúng tôi
(Nous)
Quận Trưởng Quận Châu - Thành
(Délégué Administratif)
Chứng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
Cetifications l'authenticité des signatures opposées ci contre des
Hội - đồng xã Longchâu
Conseillers communaux du village de)

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 12 năm 1962

T/L

Quận Trưởng,
(Délégué Administratif)

PHÓ QUẬN - TRƯỞNG,



NGUYỄN - VĂN - KIỂM
Hội - viên Cảnh - Sát

HỘI - VIÊN HỘ - TỊCH,
(Conseiller à l'état-civil)

PHẠM - TÔNG - TRƯỚC

Lệ phí HỒ - SƠ QUẢN - NHÀ
(Cout)
Biên lai số
(Quittance N°)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Vietnam

BỘ TƯ-PhÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH LONG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Làng Hoà-Tĩnh
(Extrait du registre des actes de naissance)

VINH LONG

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1938
(Année)

SỐ HIỆU 35
(Acte N°)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Chê-thị-Chi
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sanh ngày nào (Date de naissance)	28 Avril 1938
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Hoà-Tĩnh.
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Chê-văn-Thành
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Lính Garde civile locale
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hoà-Tĩnh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Mỹ
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Mua bán
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Hoà-Tĩnh
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Lê-văn-Bầu, Tẩm-Phán
(Nous)

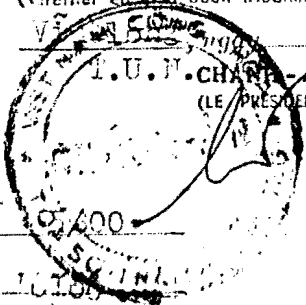
T.Ư.Đ. Chánh-án Toà Vinh Long
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Võ-Thành-Liên
(M.)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

Vinh Long, ngày 19/7 1965



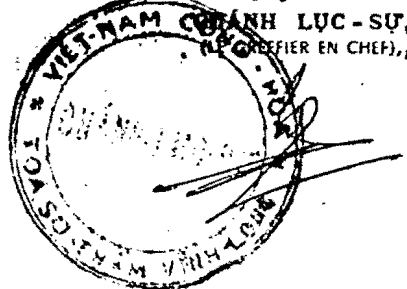
Giá tiền : 0/400
(Cost)

Ấn đại số : 10100
(Quittance N°)

N/6

Trích y hôn chánh,
(Pour extrait conforme),

Vinh Long, ngày 19/7 1965



NAM - PHÂN
(Sud-Việt-Nam)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(RÉPUBLIQUE DU VIỆT-NAM)

TỈNH VIỆT-LONG
QUẬN VŨNG-THIỆT
XÃ TÂN AN LƯƠNG

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BỘN TRÍCH-LỤC BỘ HÔN THỦ NĂM 19 54 (BỤC) hết
(Extrait du registre des actes de mariage de l'année) (degré)

XÃ Tân an lương TỈNH Việt long (NAM-PHÂN)
(Village) (Province) (Sud Việt-Nam)

SỐ HIỆU 143
(Acts N°)

Tên, họ người chồng (Nom et prénom de l'époux)	<u>NGUYỄN THÀNH CẮC</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de la naissance)	<u>Làng Long châu (V L)</u>
Sinh ngày nào (Date de la naissance)	<u>Sinh năm 1956</u>
Tên, họ cha chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénom du père de l'époux) — Indiquer s'il est vivant ou décédé —	<u>NGUYỄN VĂN KHƯƠNG</u>
Tên, họ mẹ chồng (sống chết phải nói) (Nom et prénom de la mère de l'époux) — Indiquer si elle est vivante ou décédée —	<u>Phạm thị khang chết</u>
Tên, họ người vợ (Nom et prénom de l'épouse)	<u>Chữ thị chỉ</u>
Vợ chánh hay là vợ thê (Son rang de femme mariée)	<u>Vợ chánh</u>
Sinh tại chỗ nào (Lieu de la naissance)	<u>Làng Hòa Tiến (V L)</u>
Sinh ngày nào (Date de la naissance)	<u>Sinh năm 1938</u>
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénom du père de l'épouse) — Indiquer s'il est vivant ou décédé —	<u>CHỮ VĂN THẠNH</u>
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói) (Nom et prénom de la mère de l'épouse) — Indiquer si elle est vivante ou décédée —	<u>Lê thị chỉ</u>
Ngày kết hôn (Date du mariage)	<u>22-12-1954</u>

Chúng tôi
(Nous)

Quận-Trưởng Quận
(Délégué Administratif)

Chứng cho hợp-pháp chữ ký ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures opposées ci-contre des)

U. B. H. C. Xã
(Conseillers communaux du village de)

_____, ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

_____, ở _____

Quận-Trưởng,
(DÉLÉGUÉ ADMINISTRATIF)

Mười ba chữ

Trích lục y như trong bộ
(pour extrait conforme)

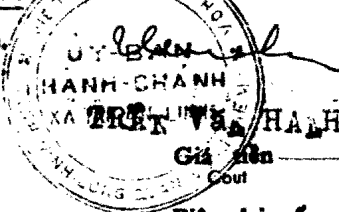
Tân an lương, ngày 07 tháng 11 năm 1970

CHỦ TỊCH HÒM HỘ TỊCH

CHỨNG-KIỆN :

Xã Trưởng

XXXXXXXX



Biên lai số
(Quittance N°)

TINIA

BỒN SAO LỤC BỘ SANH TẠI XÃ.....Tân-An

NAM 1963

Số hiệu 1941

Nhà In Thanh-Son Cantho

Tại Tân-An....., ngày.....30.....tháng.....6.....1963

NGƯỜI KHAI, HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH, NGƯỜI CHỨNG :
 Nguyễn-thanh-Các Ng² v -Lợi 1.Ng³- đình-Quân
 (ký tên đóng) 2.Huỳnh-phước-Long
 đầu

Chúng cho hợp pháp chữ ký ngang dây của

Hội-Đông xã Mân - An

Phong-Dinh ngày 5-8-1967

T. L. TÌNH - TRƯỞNG.

~~Nhận được chữ ký bên
dây của H.V. Đỗ-tịch.~~

, ngày 5 tháng 7 đ. 196
ĐẠI-DIỆN XÃ,

TRÍCH LỤC Y BỐ ĐỜI L

Phong Dinh, ngày 05 tháng 7 1967

~~LET WITH NOTION.~~
 1st. UBHC. Kien U. Hoide

62-711613-21924



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

XÃ HẠNH-THÔNG

BẢN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Năm 1966

Số hiệu: 2853

Tên, họ đầy đủ	Nguyễn thị Thiện
Phái	Nữ
Sanh (ngày, tháng, năm)	Hai mươi, tháng, mười một, năm 1966
Tại	Hạnh thông-xã
Cha (Tên, họ)	Nguyễn Thành Các
Nghề	Quân nhân
Cư-trú tại	K.B.C. 4002
Mẹ (Tên, họ)	Chế-thị-Chi
Nghề	Nội trợ
Cư-trú tại	Trại gia-đình binh-sĩ
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ c. hành

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ - Tịch

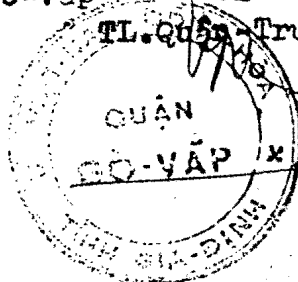
Ủy-viên Hộ-tịch Xã Hạnh thông

Hạnh thông-xã ngày 01 tháng 12 năm 1966

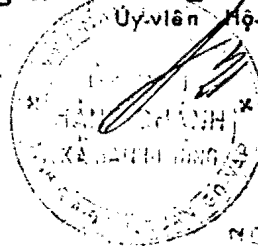
Cò-vấp ngày 01 tháng 12 năm 1966

Ủy-viên Hộ-tịch

TL. Quận Trưởng,



LE-VAN-AN



NGUYỄN-VĂN-...

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi (1970)

Mien phi

Tên, họ đứa nhỏ.....	NGUYỄN-THÀNH-HẢI
Phái.....	Nam
Ngày sanh.....	Ngày hai mươi một tháng bảy năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai 9 giờ 45.
Nơi sanh.....	266 Nguyễn-văn-Thoại
Tên, họ người Cha.....	NGUYỄN-THÀNH-CÁC
Tuổi.....	Ba mươi bốn
Nghề-nghiệp.....	Quân-nhân
Nơi cư-ngụ.....	Trại Gia-Bình
Tên, họ người mẹ.....	CHẾ-THỊ-CHI
Tuổi.....	Ba mươi hai
Nghề-nghiệp.....	Nội-trợ
Nơi cư-ngụ.....	Trại Gia-Bình
Vợ chánh hay thứ.....	Vợ chánh

Làm tại Saigon, ngày 24 tháng 7 năm 1970

TRÍCH-LỤC Y BỐN CHÍNH:

Saigon ngày 03 tháng 11 năm 1971

TL. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 10

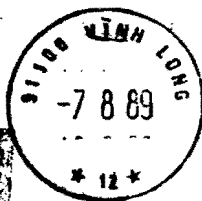


PHẠM-VĂN-PHẠM

FROM: NGUYỄN THÀNH CẮC
26, LƯU VĂN LIỆT, VINH LONG
CHỦ LONG (VIỆT NAM)

157K: 9360

PAR AVION



TO: F. V. N. P. P. A

AUG 25 1989

P.O. BOX 5435 ARLINGTON

V.A. 22-205-0635

- USA -



BY AIR MAIL PAR AVION

0 804-0 11-11

0 804-0

TO: F.V.N.P.P.A. - P.O. BOX 5435 ARLINGTON V.A. 22-205-0635

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. Box 5435 Arlington V.A. 22.205-0635 - U.S.A.
Tel.

- Political Prisoner Registration Form

- IV /
- VEWL
- I-171 - YES/NO
- Exit Permit YES/NO

- The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in reeducation camp in Viet-Nam so that eligibility for U.S. admission via the O.D.P. can be established.

1.- Applicant in Viet-Nam : CAC THANH NGUYEN
(Last) (Middle) (First)

- S.N. : 56/100.713 - Rank : LIEUTENANT. (TRUNG UY).

- Previous occupation (before 1975) : LOGISTICS OFFICER OF THE
(Position)
JOINT GENERAL STAFF (S.Q.TIẾP VẬN/TỔNG CỤC TIẾP VẬN/QUÂN CH.).
BỘ T.T-M/QUÂN CH.

- Date of birth : 19/2/1936 . Place of birth : VINH LONG

- Current address : 26, LUY-VAN LIET ST., VINH LONG, CUU LONG.
VIETNAM)

- Sponsor's name :

2.- Time spent in reeducation camp :

- Date from : 25-6-1975 . To : 15-2-1979 .
(.03 . Years, .07 . Months, .20 . Days)

(Time spent by forced residence : .01 . Years)

3.- Sponsor's name : NO

4.- Names of relatives / Acquaintances in The U.S. : NO
Name - Address - Telephone - Relationship

5.- Name of principal applicant (P.A.)

Names of accompanying relatives dependent :

N.	Name	Date of birth	Place of birth	Relationship	Address
1	CHẾ-THỊ-CHỊ	1938	VINH LONG	WIFE	26, LUY-VAN LIET ST., VINH LONG, CUU LONG
2	NGUYỄN-THÀNH-KHOA	1955	"	SON	"
3	NGUYỄN-THỊ-LAC	1956	"	DAUGHTER	"
4	NGUYỄN-THỊ-LUYỀN	1958	"	"	(VIETNAM)
5	NGUYỄN-THÀNH-KHÔI	1963	CÁNH THƠ	SON	"
6	NGUYỄN-THỊ-THẢO	1964	VINH LONG	DAUGHTER	"
7	NGUYỄN-THỊ-THIỆN	1966	GIÁ-DÌNH	"	"
8	NGUYỄN-THÀNH-KHAI	1970	SAIGON	SON	"

6.- Additional information : VINH LONG, AUGUST, 7TH, 1989 .

(Signature of Applicant)

Thanh Lan

NGUYỄN-THÀNH-CÁC

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form 8/3/79
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter